

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 292/2020/HNGĐ-ST;

Ngày: 19/6/2020.

V/v “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thuần;

Ông Phạm Thế Tụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Ngô Văn B, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(*Chị H có mặt; anh B vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Chị và anh Ngô Văn B cưới nhau vào năm 2003, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ

chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi, hiện anh B và người phụ nữ bên ngoài đã có con, chị đã nhiều lần khuyên can anh Biên thay đổi nhưng không được nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con tên Ngô Thanh N1, sinh ngày 28/02/2004 và Nguyễn Thanh N2, sinh ngày 22/5/2009. Hiện cháu N1 và cháu N2 đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1 và cháu N2; và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Ngô Văn B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc H về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con chung.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn B, yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn anh Ngô Văn B đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Ngô Văn B cưới nhau năm 2003, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Sóc Trăng là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H xin ly hôn với anh B với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi, hiện anh B và người phụ nữ bên ngoài đã có con, chị H đã nhiều lần khuyên can anh B thay đổi nhưng không được nên chị H và anh B đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh B, phía anh B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Ngô Thanh N1, sinh ngày 28/02/2004 và Ngô Thanh N2, sinh ngày 22/5/2009 của chị H là có cơ sở vì cháu N1 và cháu N2 đang sống với chị H đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N1, cháu N2 muốn được sống với chị H. Phía anh B không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu N1, cháu N2 và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu N1, cháu N2 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu N1 và cháu N2.

[3.4] Về tài sản chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Ngô Văn B.

Về con chung: Giao cháu Ngô Thanh N1, sinh ngày 28/02/2004 và Ngô Thanh N2, sinh năm 22/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1, cháu N2 đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Ngô Văn B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003394 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị H đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện C;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA